

## Phẩm 21: KIM CANG TRÀNG BỒ TÁT HỒI HƯƠNG

Phân biệt có năm môn:

1. Giải thích tên gọi Thập Hồi Hương và ý đưa ra.
2. Phân rõ về pháp đối trị. Nhất thừa dựa theo như trước, ba Thừa trừ chướng rời bỏ Đại Bi của Độc giác.
3. Đã đạt được Định vô gián và căn thiện bậc nhất của thế gian.
4. Đã thành tựu hạnh vị của Thập Hồi Hương tức là Thể của Tông.
5. Giải thích văn.

1. Giải thích tên gọi: Hồi Hương là xoay chuyển hạnh trước hướng đến Bồ-đề, cũng có thể gồm chung chúng sinh và pháp tánh, Kim Cang... là người, Hồi Hương... là pháp, dựa vào hai nghĩa mà được tên gọi. Ý đưa ra giống như trước, nhưng Thể của pháp khác với trước mà thôi.

2,3. Nay trong luận này, pháp đối trị-đạt được và thành tựu đều dựa theo ba Thừa mà nói. Nếu dựa theo Biệt giáo Nhất thừa để phân rõ, thì hoặc là đối trị, hoặc là không đối trị... có thể dựa theo tư duy đầu nhiếp.

4. Tông là tướng tổng quát có thể biết, mở rộng ở văn sau.

5. Giải thích văn. Văn này có bảy phần: Một là phần Nhập định Tam-muội, hai là phần gia hộ, ba là phần xuất định, bốn là phần căn bản, năm là phần tuyên thuyết, sáu là phần lợi ích, bảy là phần kệ tụng.

Đầu tiên nói Nhập định, là hiển bày Thể của pháp không phải cảnh giới của tư duy. Minh trí định, là hiển bày về hạnh không gì mê hoặc cho nên soi chiếu rõ ràng, cũng có thể là Tịnh trí phương tiện nương tựa có thể thành tựu Tịnh trí.

Tựa về Gia hộ có ba: Một là tổng quát trình bày về tướng nhân duyên ca ngợi gia hộ. Văn này có ba: Một, tổng quát về chư Phật hiện thân và cùng tên gọi Chứng Pháp, có hai có thể biết; hai, từ “Thời bỉ...” trở xuống là chính thức ca ngợi kể ra; ba, từ “Thiện nam tử...” trở xuống là được tiến vào Định hiện tại. Nguyên cớ về gia hộ nhập định có năm nhân duyên: Một, lực của chư Phật gia hộ; hai, lực Bốn nguyện của Đức Lô-xá-na; ba, thần lực hiện tại của Đức Lô-xá-na; bốn, lực từ Tịnh trí của Kim Cang Tràng; năm, lực từ căn thiện của những Bồ-tát khác.

Hai từ “Dục linh...” trở xuống phân rõ trong gia hộ bằng việc làm có hai mươi hai câu, mười hai câu đầu là đức thuộc phần mình, tiếp theo mười câu là thắng tiến. Nay trong hai mươi hai câu này vốn có các

văn, và trong ý gia hộ trên dưới vốn có văn tướng, không thể nào giải thích đầy đủ từng văn một, mà chỉ dựa theo sự phân định của Luận chủ trong phần gia hộ đầu phẩm Thập Địa sau này, dựa theo phần ý của văn này thì có thể biết. Nhưng văn tướng trong này có lúc gồm chung quả và nhân, có lúc trước tổng quát-sau riêng biệt, có lúc Tự lợi khác với Lợi tha, có lúc giống-khác và thành-hoại. Như vậy tất cả và các văn của Hội trước, đều dựa theo chọn lấy sáu tướng đầu trong Địa Luận thì không có gì không rõ ràng, tướng còn lại có thể biết.

Ba từ “Thiện nam tử nữ đương...” trở xuống phân rõ về tướng gia hộ qua ba nghiệp sai biệt. Trong đó, đầu tiên trong khẩu nghiệp có mười câu có thể biết. Gia hộ qua ý nghiệp cũng có mười câu, một câu đầu là tổng quát, tiếp theo là riêng biệt.

Hỏi: Vì sao ý gia hộ này cùng với pháp lẫn tạp?

Đáp: Bởi vì sự phương tiện không nhất định, tâm-cảnh và lý-sự không phải là một pháp, dựa theo đó có thể biết.

*Phần căn bản chính thức tuyên thuyết, văn có hai:* Một, tổng quát phân rõ về Thể; hai, nêu ra tên gọi phân rõ về Tướng.

*Văn phần một về Thể có hai:* Một là tổng quát ca ngợi; hai là phân rõ về Thể của phương tiện, tức là sáu quyết định, trong đó chỉ có quán tướng Đại thiện và không khiếp nhục, nguyên cố trước đây đã phân rõ.

*Văn phần hai về Tướng có năm:* Một là hỏi, hai là nêu ra số và dẫn chứng, ba là trở lại hỏi, bốn là nêu ra tên gọi, năm là kết luận và chứng thành. Đại Nguyện bất tư nghị là nhân nguyện của Địa thượng, cũng tức là nguyện của Thập Hồi Hương.

*Bốn là nêu ra mười tên gọi:*

1. Cứu hộ nhất thiết chúng sinh, là lìa tướng chúng sinh, hồi hướng sự việc hóa độ, lìa xa hai ngã. Hồi hướng có ba: Một là hồi hướng chúng sinh và vật cùng thành tựu, hai là hồi hướng Bồ-đề rời bỏ các quả báo của thế gian, ba là hồi hướng thật tế Dụng quy về Thể cao nhất. Ba tướng này thành tựu, cho nên biết là có ba tướng này, về sau Di-lặc khiến Thiện Tài gặp Bồ-tát tu ba loại hồi hướng. Trong kinh Bát-nhã cũng nói về điều này. Về sau đều gồm chung ý này.

2. Bất hoại, là tự hành kiên cố.

3. Đẳng nhất thiết Phật, là Tự tha cùng tiến vào cảnh giới Phật, cũng có thể là phần lượng ngang nhau.

4. Chí nhất thiết xứ, là bởi vì đạt được một phần Phật lực.

5. Vô tận công đức tạng, là bởi vì tu tập tác dụng phát sinh không

cùng tận.

6. Tùy thuận bình đẳng thiện căn, cũng gọi là đức dụng kiên cố vô tận, đạt được ba loại kiên cố tùy thuận Niết-bàn.

7. Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh, là bởi vì đạt được Đại Niết-bàn mà không rời bỏ thế gian.

8. Như tướng, là bởi vì hành hoàn toàn giống như tu.

9. Vô trước giải thoát, là Lý bình đẳng lìa tướng ràng buộc-cởi bỏ cho nên không có tướng giải thoát.

10. Pháp giới vô lượng, là Dụng hợp với tánh.

*Mười tướng này thành tựu cùng có hai:* Một, dùng mười môn thâm nhiếp các hạnh Hồi Hưởng, dựa theo môn này tức là Hạnh; hai, dùng Hạnh dựa vào mười môn trình bày về Hồi Hưởng. Hồi Hưởng có ba, đó là Thật tế, Bồ-đề và chúng sinh hồi hưởng. Thật tế có hai loại: Một, hiện tại tu tập các hạnh tức là chân như; hai, vì hiển bày chân như cho nên tu tập các hạnh. Chúng sinh cũng có hai loại: Một, vì độ sinh cho nên tu hạnh Bồ-tát, tức là có đủ chúng sinh và đạo; hai, Bồ-tát đã thành tựu tức là chúng sinh đã trao cho. Bồ-đề cũng có hai: Một, đã tu các hạnh là vì thành tựu Đại quả; hai, các hạnh Bồ-tát chúng sinh tức là mầm của quả Bồ-đề. Mỗi một Hồi Hưởng đều có môn này, nói ra đầy đủ ý tổng quát, dựa theo để suy nghĩ.

*Cứu hộ nhất thiết chúng sinh có bốn:* Một, hỏi về nêu ra tên gọi; hai, phân rõ về tướng; ba, từ “Thị vi...” trở xuống là kết luận; bốn, dùng kệ trùng tụng.

*Trong phần hai phân rõ về Tướng có bốn:* Một là trình bày về Thể của hạnh; hai từ “Ma-ha-tát phục tác thị niệm phát Bồ-đề tâm bảo...” trở xuống là hồi hưởng chúng sinh và Bồ-đề; ba từ “Bồ-tát phục tác thị niệm như Nhật Thiên tử...” trở xuống là hồi hưởng Thật tế; bốn từ “Dĩ như thị đẳng thiện căn hồi hưởng...” trở xuống là kết luận ca ngợi về đức dụng tự tại thù thắng vi diệu.

*Trong phần một phân rõ về Thể có ba:* Một, dùng sáu Độ-bốn Nhiếp... làm pháp cứu giúp chúng sinh; hai, từ “Tu thiện căn...” trở xuống trình bày về cứu hộ chúng sinh; ba, từ “Thử Bồ-tát vi oán thân cố...” trở xuống trình bày về nương nhờ khởi hạnh. Trong này có hai ý: Một là vì lìa tướng chúng sinh cho nên có thể thành tựu ba Hồi Hưởng, hai là bởi vì lìa chúng sinh vốn là ba Hồi Hưởng, điều này nên suy nghĩ. Hai là văn chính thức cứu hộ chúng sinh có hai: Một, khiến cho chúng sinh không rơi vào địa ngục...; hai, từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là đạt được niềm vui của Pháp thân, trong đó nhân quả phân làm hai.

Ba là văn nương nhờ khởi hạnh có hai: Một, dùng điều thiện hồi hướng chúng sinh không lựa chọn oán thân có ba: 1-Thiết lập; 2-Hỏi đáp giải thích nghi ngờ; 3-Từ “Thường dĩ ái nhân...” trở xuống là đối với duyên thành hạnh. Lần lượt chuyển tiếp có bốn đoạn phân rõ về nghi, văn về nghi thứ tư có ba: 1-Thiết lập, 2-Văn hỏi, 3-Đáp có thể biết. Hai từ “Bồ-tát bất vi nhất chúng sinh...” trở xuống hiển bày về ý rộng lớn, có hai có thể biết.

**Phần thứ hai là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề có năm:** Một, thực hành như chư Phật và khởi tâm cứu cánh tức là hai, trong hai đoạn này lại đều phân làm hai có thể biết. Hai, từ “Bồ-tát dĩ chư thiện căn hồi hướng thời...” trở xuống là khiến cho chúng sinh đạt được nơi thanh tịnh. Ba, từ “Phục tác thị niệm dĩ thử thiện căn...” trở xuống là làm cho chúng sinh có thể thấy Phật đạt được lợi ích, đầy đủ bảy tài sản thanh tịnh, đó là Tín-Giới-Văn-Thí- Trí tuệ-Tâm-Quý. Bốn, từ “Thử Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là nhận chịu thay tất cả các khổ, văn này có bốn:

1. Đối với vật sinh tâm;
2. Từ “Thị cố...” trở xuống là loại trừ nghi ngờ;
3. Từ “Dĩ Đại...” trở xuống trình bày về thiện xảo có hai có thể biết;

4. Từ “Phục tác thị niệm ngã tất đương vi...” trở xuống là chính thức trình bày thọ khổ vì chúng sinh, trong phần này có ba: Một là thay thế nhận chịu khổ, hai là loại trừ nghi ngờ văn này có ba, trong văn thứ hai có bốn, văn thứ ba có ba có thể biết, ba từ “Thị cố bất dĩ...” trở xuống là kết luận có thể biết; ba từ “Phục tác thị niệm ngã đương dĩ...” trở xuống phân rõ về sự thành tựu, có hai có thể biết. Năm, từ “Bồ-tát dĩ thị vô lượng...” trở xuống là khiến cho chúng sinh được đầy đủ nhân duyên trợ đạo có ba: 1) Khởi ý; 2) Ví dụ; 3) Hợp có thể biết.

**Phần thứ ba là hồi hướng Thật tế,** văn có hai: Một, lựa chọn hai hồi hướng trước đây; hai, từ “Linh nhất thiết bất trước...” trở xuống là chính thức hồi hướng Thật tế. Văn này có ba:

1. Phân rõ về Vô tướng phân biệt.
2. Từ “Bất khởi hư vọng nhân duyên...” trở xuống là Y tha không sinh.
3. Từ “Quán sát nhất thiết chúng sinh bình đẳng...” trở xuống Vô tánh chân thật.

Không sinh các pháp-không diệt các pháp ấy, dùng những thiện căn như vậy để hồi hướng, tức là phần thứ tư tổng quát kết luận, văn có

ba: Một, tổng quát; hai, từ “Tu hành...” trở xuống là riêng biệt; ba, từ “Bồ-tát...” trở xuống là kết luận ca ngợi. Trong phần riêng biệt:

1. Tu hành các pháp đối trị là kết luận về Thể của hạnh thứ nhất;
2. Quán sát tất cả là kết luận về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề;
3. Từ “Ư bỉ thiện căn bất tác nhị tướng...” trở xuống là kết luận về

Thật tế, tướng còn lại có thể biết.

**Phần bốn là trùng tụng có hai:** Một, trường hàng phân rõ về ý; hai, kệ tụng. Có năm mươi sáu kệ, có ba:

- 1) Mười hai kệ đầu là tổng quát kết luận.
- 2) Tiếp theo là riêng biệt.

Phần riêng biệt này có ba: Mười một kệ đầu là kết luận về Thể của hạnh, tiếp theo mười ba kệ là văn kết luận về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề, tiếp theo mười lăm kệ là kết luận về Thật tế.

Sáu kệ cuối là tổng quát kết luận, có thể dựa theo chọn lấy cách giải thích.

Bất hoại có năm, trong này một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi đức, năm là kệ tụng.

Trong văn đáp có năm: Một, phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Dục linh nhất thiết chúng...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh; ba, từ “Chư Phật thành tựu vô lượng đức...” trở xuống là hồi hướng Bồ-đề; bốn, từ “Bồ-tát như thị xả ly si...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; năm, từ “Như thị Bồ-tát thành thiện căn...” trở xuống là kết luận ca ngợi về đức dụng.

Văn về Thể có năm:

1) Đối với duyên thành Tín có hai, một là thiết lập Tông, hai từ “Hà cố...” trở xuống là loại trừ nghi ngờ.

2) Từ “Như thị an trú...” trở xuống là dựa vào Tín thành nhân của hạnh.

3) Từ “Bồ-tát như thị đẳng thiện...” trở xuống là phân rõ về hạnh đã thành tựu quả.

4) Từ “Bồ-tát như thị tinh cần...” trở xuống là kết luận về lợi ích phát khởi thực hành.

5) Từ “Bồ-tát thiện căn hồi hướng...” trở xuống là phân rõ dựa vào hạnh thành tựu sự việc như nguyện, phần này có hai ý: Một là bởi vì Bất hoại cho nên được thành tựu ba hồi hướng; hai là bởi vì Bất hoại vốn là ba hồi hướng, điều này có thể suy nghĩ chính xác. Hai là văn về hồi hướng chúng sinh có thể biết.

**Bốn là văn về Thật tế có ba:**

1. Lựa chọn hai hồi hướng trước đây.
2. Từ “Quán sát bình đẳng...” trở xuống là chính thức hồi hướng Thật tế.
3. Từ “Thường vi chư Phật...” trở xuống là công phu cảm được Thánh niệm.

*Bốn là trong phần kết luận ca ngợi có năm:* Một, kết luận về Thể của hạnh; hai, từ “Ma-ha-tát như thị...” trở xuống là kết luận về chúng sinh; ba, từ “Cứu cánh thanh tịnh...” trở xuống là kết luận về hồi hướng Bồ-đề; bốn, từ “Thị bình đẳng...” trở xuống là văn kết luận về Thật tế; năm, từ “Bồ-tát hành như thị...” trở xuống là kết luận gồm chung về sự vi diệu thù thắng.

*Năm là văn kệ có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Có năm mươi kệ, có năm: Hai mươi một tụng đầu về Thể của hạnh, tiếp đến hai tụng về chúng sinh, tiếp đến hai tụng về Bồ-đề, tiếp đến mười tụng là văn về Thật tế, tiếp đến mười bốn tụng là các văn về kết luận ca ngợi...

*Đẳng nhất thiết Phật, có năm:* Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi đức, năm là kệ tụng.

*Văn đáp có năm:* Một, phân rõ về Thể của hạnh có hai có thể biết. Hồi hướng này có hai ý: Một là bởi vì bình đẳng cho nên thành tựu ba loại hồi hướng; hai là bởi vì hợp với ba hồi hướng trước cho nên được bình đẳng, có thể dựa theo đó. Hai, từ “Thử Bồ-tát đắc như thị lạc thời...” trở xuống là hồi hướng Phật Bồ-tát và chúng sinh, văn này có bốn:

1. Hồi hướng Phật.
2. Hồi hướng Bồ-tát.
3. Hồi hướng chúng sinh.
4. Từ “Bồ-tát nhiếp thủ hạnh đẳng hành...” trở xuống trình bày về nghi thức. Văn về Bồ-tát có hai có thể biết.

*Trong văn thứ ba là hồi hướng chúng sinh có ba:* Một là nghi thức hồi hướng, phần này có hai có thể biết; hai là diệt ác; ba là sinh thiện. Ba, từ “Bồ-tát nhược tại gia thời...” trở xuống là phân rõ về phạm vi khởi tâm, văn này có hai: Một là giải thích; hai từ “Như thị Bồ-tát kim tập...” trở xuống là kết luận. Văn phần một là giải thích có hai:

1. Tại gia thu nhiếp chúng sinh hồi hướng.
2. Từ “Bồ-tát tác thị niệm nãi chí tiểu đại...” trở xuống là Đại Bi sâu nặng. Văn phần một có bốn: Một, khởi tâm; hai, đối với duyên phân rõ về nhiếp hóa có hai có thể biết; ba, trình bày về thành tựu hạnh không gián đoạn tức là hiển bày về trí kiên cố; bốn, kết luận. Văn thứ

hai là Đại Bi sâu nặng có hai: Một là lia khổ đau, hai là được niềm vui có thể biết. Bốn, từ “Phục tác thị niệm như bỉ...” trở xuống là hồi hướng Thật tế, vẫn có ba: Một, nhắc lại hai hồi hướng trước đây; hai, từ “Nhi vô sở trước...” trở xuống là chính thức hồi hướng Thật tế; ba, từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là kết luận như hồi hướng Phật. Chính thức hồi hướng Thật tế có hai:

1) Hồi hướng dựa theo trí tiến vào quán.

2) Từ “Thường lạc tập hành Phổ Môn...” trở xuống là dùng trí ra khỏi quán để hồi hướng. Năm, trong tổng quát kết luận, một là nhắc lại Thể của hạnh trước đây, hai là từ Hồi hướng thứ nhất trở xuống là gồm chung kết luận.

*Phần kệ có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Có bốn mươi tám kệ: Hai tụng đầu về Thể, tiếp theo ba mươi bốn tụng về các văn hồi hướng Phật-chúng sinh..., tiếp theo bốn tụng về Thật tế, tiếp theo tám tụng là kết luận ca ngợi.

Chí nhất thiết xứ, có năm: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi đức, năm là kệ tụng.

Văn đáp có bốn: Một, phân rõ về Thể; hai, từ “Như thị trang nghiêm...” trở xuống là hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh; ba, từ “Bồ-tát như thị thiện căn hồi hướng liễu vô sở...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát như thị thiện căn hồi hướng...” trở xuống là kết luận ca ngợi về đức dụng.

Một trong Thể phân hai: Một là trình bày về Thể của hạnh có bốn:

1) Pháp.

2) Dụng.

3) Hợp.

4) Phân rõ về thành tựu.

Phần này có ba câu: Pháp-dụng và hợp, dụ như chư Thiên là Đệ nhất nghĩa Thiên, tướng còn lại có thể biết. Hồi hướng này có hai ý: Một là bởi vì thuận với tất cả cho nên được ba hồi hướng, hai là bởi vì thuận với ba hồi hướng cho nên có thể đến tất cả mọi nơi. Hai là từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là mở rộng trình bày về Tướng của hạnh, văn này có hai: Một, trình bày về nơi chốn nương tựa và Phật; hai, từ “Bồ-tát ư chư Như Lai...” trở xuống là mở rộng trình bày về Tướng của hạnh. Trong phần này có hai: 1-Đối với cảnh khởi tâm tức là hai, trước là đối với cảnh trình bày về tâm, tiếp theo phân rõ về đức của tâm; 2-Từ “Phục tác thị niệm...” trở xuống là đối với cảnh thành tựu hạnh, thì



lại là hai mà thôi.

Hai, từ “Như thị trang nghiêm...” trở xuống là văn hồi hướng chúng sinh có hai: Một là tách ra hai môn Lý-Sự để lập Tông; hai từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về nguyên cơ có thể thành tựu Chí nhất thiết xứ, có pháp-dụ và hợp, ba văn có thể biết.

Ba, văn về Thật tế có ba: Một, nhắc lại Thể của hạnh trước đây và hai hồi hướng; hai, từ “Liễu vô sở hữu...” trở xuống là chính thức hồi hướng; ba, từ “Như thị Bồ-tát lạc quán...” trở xuống là kết luận về hồi hướng đạt được lợi ích. Chính thức hồi hướng có hai:

1) Dựa theo trí tiến vào quán.

2) Từ “Như thị Bồ-tát viên mãn...” trở xuống là biện tài của trí ra khỏi quán.

Tất cả các pháp là nơi chốn của mọi nhân duyên, bởi vì dựa vào hiểu rõ về nhân duyên cho nên chứng được tất cả các pháp.

Bốn, trong phần tổng quát kết luận ca ngợi: Đầu là kết luận về Thể của hạnh, từ “Đắc Phật tự tại...” trở xuống là kết luận về Bồ-đề, tiếp theo từ “Giáo hóa chúng sinh...” trở xuống kết luận về chúng sinh, tiếp theo từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống kết luận về Thật tế.

*Văn kệ có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Văn có hai mươi hai kệ: Tám tụng đầu về Thể của hạnh, tiếp theo sáu tụng về Bồ-đề và chúng sinh, tiếp theo sáu tụng về Thật tế, tiếp theo hai tụng là văn kết luận ca ngợi.

*Vô tận công đức tạng, ở đây có ba nghĩa:*

1) Phát sinh vô tận,

2) Thành tựu,

3) Tự Thể, dùng ba nghĩa này để dựa theo. Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là phân rõ về đức, năm là kệ tụng.

Văn đáp có bốn: Một, phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Bồ-tát chư thiện căn giai tất...” trở xuống là hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh; ba, từ “Bồ-tát dĩ như thị đẳng...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát như thị thiện căn...” trở xuống là kết luận ca ngợi về Dụng thù thắng.

*Văn phần một về Thể của hạnh, văn có hai:* Một là phân rõ về Thể của hạnh, có bốn:

1) Sám hối,

2) Khuyến thỉnh,

3) Tùy hỷ,

4) Hồi hướng.



Tùy hỷ có bốn:

- 1) Thành Phật,
- 2) Thuyết pháp,
- 3) Niết-bàn,

4) Văn về Lưu thông... có hai: Một là hối lỗi, hai là khuyến thỉnh-tùy hỷ và hồi hướng. Ba nghĩa này bởi vì là phần nghĩa về đức hữu vi đan xen lẫn nhau, cho nên kết hợp cùng nói ở một nơi. Văn này có hai: Một là tổng quát nêu ra, hai là riêng biệt phân rõ. Trong phần riêng biệt dựa vào bốn nghĩa Tùy hỷ tức là có bốn đoạn mà thôi.

*Phần này có hai ý:* Một là bởi vì hạnh thuận với ba hồi hướng cho nên có thể thành tựu Vô tận tạng, hai là bởi vì thành tựu Vô tận tạng cho nên thuộc về ba hồi hướng, điều này có thể dựa theo. Hai, từ “Bồ-tát tác như thị niệm...” trở xuống là phân rõ về Tướng của hạnh có hai:

- 1) Trang nghiêm quốc độ,
- 2) Trang nghiêm người thành tựu.

Trang nghiêm quốc độ có bốn: Một, thành tựu thế giới độ; hai, từ “Bồ-tát tu thắng thiện căn...” trở xuống là trang nghiêm Phật quốc độ; ba, từ “Bỉ chư thế giới trung...” trở xuống là trang nghiêm ba đời; bốn, từ “Như nhất thế giới...” trở xuống là kết luận thành tựu cứu cánh. Hai từ “Bồ-tát phục như thị...” trở xuống là trang nghiêm về người có hai: Đầu là phân rõ, sau là kết luận.

*Trong phân rõ có bốn:*

- 1) Người.
- 2) Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là tóm lược đầy đủ hiển bày về đức.
- 3) Từ “Thành tựu...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về đức, có hai có thể biết.
- 4) Từ “Thành tựu đẳng...” trở xuống là kết luận có ba có thể biết. Hai từ “Như nhất Phật sát...” trở xuống là dùng kết luận tóm lược để hiển bày mở rộng có thể biết.

Hai, hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh, văn có hai: Một là dùng phương tiện pháp giới để hồi hướng hai nơi; hai từ “Như thị Bồ-tát thiện...” trở xuống là phân rõ về phạm vi của phương tiện.

Ba, văn về Thật tế có hai: Một, nhắc lại tổng quát về nơi hồi hướng để hướng đến phạm vi của Tát-bà-nhã; hai, từ “Bồ-tát hành như thị...” trở xuống là riêng biệt hồi hướng Thật tế. Văn này có hai: Một là dùng trí tiến vào quán để hồi hướng, phần này có hai có thể biết; hai từ “Bồ-tát như thị khởi...” trở xuống là dùng trí ra khỏi quán để hồi

hướng.

Sinh tử không phải là tạp loạn, Niết-bàn không phải là tịch tĩnh, điều này có hai cách giải thích:

1) Dựa vào phá tướng, Thể của sinh tử là Không cho nên không phải là tạp loạn, Thể của Niết-bàn là Như cho nên không phải là tịch tĩnh.

2) Hiểu rõ Dụng vắng lặng, Thể của sinh tử vắng lặng cho nên không phải là tạp loạn. Thế nào là Thể? Nói gần chính là Không, sâu thì chính là Như Lai Tạng Bất Không. Đại Niết-bàn có thể kiến lập về nghĩa của Đại, Diệu Dụng phát khởi đầy đủ không có gì không làm, cho nên không phải là tịch tĩnh. Nay dựa vào cách giải thích sau, hai loại này là cảnh giới Phật và đạo sở hành của Phật gọi là đạo của cảnh giới, bởi vì không khác biệt sinh tử cho nên không phải là nơi khác làm ra, Thể của sinh tử và Niết-bàn không có tướng nhất định, cho nên nói là không có pháp. Các bậc Thánh cùng dựa vào gọi là cùng nương tựa, nghĩa về Như giống với cách giải thích trước.

Bốn, văn về kết luận ca ngợi có hai: Một, nhắc lại văn kết luận trước đây; hai, từ “Bồ-tát sơ phát...” trở xuống là tổng quát kết luận. Văn phần một có bốn:

1) Nhắc lại Thể của hạnh trước đây kết luận thành tựu hồi hướng Bồ-đề và chúng sinh.

2) Từ “Dĩ như thị đẳng...” trở xuống là nhắc lại hồi hướng chúng sinh trước đây kết luận thành tựu hồi hướng Thật tế.

3) Từ “Bồ-tát như thị hồi hướng nhân chung...” trở xuống là kết luận đã đạt được lợi ích.

4) Từ “Bồ-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là hành đức thù thắng vi diệu.

Thứ tư là ca ngợi về đức dụng, văn có ba: Một là nêu ra số, hai là giải thích, ba là kết luận có thể biết.

*Trong phần kệ có hai:* Một, trường hàng sinh khởi; hai, kệ tụng. Có năm mươi kệ, mười tám tụng đầu về Thể của hạnh, tiếp theo sáu tụng về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề, tiếp theo mười bốn tụng về Thật tế, tiếp theo mười hai tụng là văn kết luận ca ngợi.

Tùy thuận nhất thiết kiên cố thiện căn hồi hướng, có năm: Một là hồi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi về đức dụng, năm là kệ tụng.

*Phần hai là đáp có bốn:* Một, trong Thí môn phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Bồ-tát thiện căn hồi hướng linh nhất thiết chúng sinh...”

trở xuống là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; ba, từ “Bồ-tát Ma-ha-tát dĩ thử thiện căn hồi hướng thời...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát dĩ nhất thiết thiện căn như thị hồi hướng...” trở xuống là kết luận ca ngợi về đức dụng.

*Văn phần một về Thế hạnh có hai:* Một là nêu ra rời bỏ ngôi vị Luân Vương, ca ngợi thành tựu Thế của hành đức, có hai có thể biết; hai từ “Nhược thí ẩm thực...” trở xuống phân rõ về Tướng của hạnh. Văn này có bốn:

1) Tóm lược nêu ra tên gọi các vật đã thí.

2) Từ “Tác như thị niệm...” trở xuống phân rõ về ý tu hạnh.

3) Từ “Nhược thí ẩm thời...” trở xuống là mở rộng phân rõ về nghi thức bố thí. Trong đó hoặc là bốn-năm-sáu không nhất định, bốn thì một là người, hai là sự việc vốn có, ba là hồi hướng, bốn là kết luận về phần trước; năm thì thứ ba thêm ruộng phước; sáu thì thứ ba thêm ca ngợi về đức của sự việc, lại có thành tựu tâm thí.

4) Từ “Thử Bồ-tát dĩ như thị đẳng vô lượng...” trở xuống là kết luận về lợi ích.

*Thứ một là nêu ra tên vật đã thí, văn có ba:* Một, nêu ra tài sản đã thí trong sáu mươi chương môn; hai, từ “Tâm bất tham trước...” trở xuống là phân rõ về tâm thí không nhiễm trước; ba, từ “Nhược chử chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về ruộng phước đã thí.

*Thứ hai về ý tu hạnh, văn có hai:* Một, phân rõ về ý hồi hướng của thí; hai, từ “Bồ-tát như thị hồi hướng dĩ...” trở xuống là trình bày về hồi hướng đã thành tựu.

*Thứ ba là mở rộng, văn tuy có một trăm hai mươi việc nhưng tất cả đều thâm nhiếp ở trong sáu mươi môn. Phần này có hai ý:* Một là bởi vì thuận với ba hồi hướng cho nên nhất định thuận với kiên cố, hai là bởi vì thuận với kiên cố cho nên đạt được ba hồi hướng, điều này có thể dựa theo. Vả lại, nay vật đã xả thí này đều gồm chung ba nghĩa, một là Phần đoạn y chánh, hai là Biến hóa y chánh, ba là Biến dịch y chánh, có thể dựa theo suy nghĩ chọn lấy. Địa tiền có đủ năm Sinh thân, cho nên nương theo bốn Luân vận dụng vượt qua tám nạn. Một là ở Chánh quốc, từ đây vượt qua ba đường ác, châu Bắc Câu-lô và cõi trời Trường Thọ; hai là Chánh sĩ vượt qua thời gian trước và sau Phật xuất thế, ba là Bốn công đức vượt qua các căn không đầy đủ, bốn là Bình đẳng nguyện vượt qua Thế trí biện thông. Vả lại, Chánh quốc luân là cõi Pháp tánh Chân như, dựa vào Chánh sĩ luân là Chánh quán Bát-nhã, Bốn công đức luân là năm Ba-la-mật như Thí..., Bình đẳng nguyện luân là mười loại

Đại nguyện vô tận của Bồ-tát, hạnh thanh tịnh của Bồ-tát đầy đủ nhờ vào đây.

*Thứ tư trong phần kết luận ca ngợi có hai:* Một là ca ngợi về lợi ích; hai từ “Bồ-tát nhĩ thời...” trở xuống là vui mừng được thành tựu lợi ích. Hai văn này đều có hai: 1-Giải thích, 2-Kết luận thành tựu cứu cánh.

*Hai là văn về Thật tế, có hai:* Một là nhắc lại Thể của hạnh trước đây; hai từ “U thân khẩu ý nghiệp vô phược trước...” trở xuống là chính thức hồi hướng Thật tế. Ở trong phần chính thức hồi hướng này có năm:

- 1) Dựa theo trí tiến vào quán để phân rõ về thành tựu hạnh.
- 2) Từ “Bồ-tát như thị hồi hướng thời bất trước nội...” trở xuống là trình bày về sự lìa xa.
- 3) Từ “Bồ-tát nhược ư thử pháp trung...” trở xuống là phân rõ về lợi ích.
- 4) Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu.
- 5) Từ “Bồ-tát như thị kiến pháp...” trở xuống là kết luận nói về đúng sai. Văn này có chín câu sinh khởi lẫn nhau có thể biết. Văn trước nói Thiền đầu, là chúng sinh có hình-có Thể gọi là Thiền đầu, nay không có tướng ấy.

*Trong phần bốn là kết luận ca ngợi có bốn:* Một, Bồ-tát... là tổng quát giải thích về Thể dụng; hai, từ “Hồi hướng giả hà nghĩa...” trở xuống là kết luận về tên gọi và ý nghĩa của hồi hướng; ba, từ “Bồ-tát nhược năng dĩ thử...” trở xuống là ca ngợi về đức của hạnh hồi hướng; bốn, từ “Bồ-tát như thị hồi hướng dĩ...” trở xuống là kết luận về lợi ích.

*Phần kệ có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Có tám mươi hai kệ, bốn mươi tám tụng đầu về Thể của hạnh và hai loại hồi hướng, tiếp theo từ “Bồ-tát quán...” trở xuống có ba mươi hai tụng là văn về Thật tế, sau cuối hai tụng là văn kết luận ca ngợi. Hiểu rõ ràng Bồ-đề từ duyên khởi đối với tánh chân thật của pháp không có gì hư hoại, là Dụng không trái ngược với Thể.

*Đẳng tâm tùy thuận nhất thiết chúng sanh, có năm:* Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi về đức dụng, năm là kệ tụng.

*Phần hai là đáp có bốn:* Một, phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Bồ-tát ly cấu thanh tịnh...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; ba, từ “Bồ-tát tu hành như thị thiện căn...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát hành như thị...” trở xuống là kết luận ca ngợi về dụng thù thắng.

*Văn phần một về Thể có ba:* Một, phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Bồ-tát hành như thị...” trở xuống là phân rõ về Dụng của hạnh có hai, một là lia ác, hai là sinh đức; ba, từ “Bất cầu sinh Thiên...” trở xuống là phân rõ về ý tu. Phần này có hai ý: Một là tùy theo căn thiện của chúng sinh khác đã làm, bởi vì không trái ngược với thiện mà khiến cho tiến lên; hai là từ căn thiện của Bồ-tát tùy theo ba phẩm căn tánh của chúng sinh mà trao cho, điều này có thể dựa theo để suy nghĩ.

*Văn phần hai về chúng sinh và Bồ-đề có hai:* Một là phân rõ về tu hạnh; hai từ “Bồ-tát dĩ thử thiện căn...” trở xuống là chính thức trình bày về hồi hướng. Văn phần một là tu hạnh có hai: Một, phần mình; hai, từ “Tu tập bình đẳng...” trở xuống là tăng thượng về tu. Văn phần một là phần mình có năm:

- 1) Phân rõ về duyên của sở y, đó là căn thiện;
- 2) Từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống trình bày về dựa vào duyên mà khởi tâm, trong đó phân làm ba có thể biết;
- 3) Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là hiển bày về tâm có đủ đức;
- 4) Phân rõ về thời gian;
- 5) Từ “Phục thứ Bồ-tát...” trở xuống là mở rộng phân rõ về vật đã thí.

*Trong phần hai là tăng thượng về Thí có hai:*

- 1) Phân rõ về tâm Thí;
- 2) Từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là trình bày về tâm có đủ đức.

*Trong phần hai chính thức hồi hướng có hai:* Một, chính thức hồi hướng; hai, từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là kết luận về đức tự tại. Phần này có hai:

- 1) Phần mình.
- 2) Từ “Dĩ như thị đẳng...” trở xuống là thắng tiến có thể biết.

*Văn về Thật tế có hai:* Một, nhắc lại lợi ích trước đây; hai, từ “Bồ-tát như thị đẳng...” trở xuống là chính thức trình bày về Thật tế. Văn phần một có năm:

- 1) Lia cấu nhiễm.
- 2) Trình bày về pháp đạt được.
- 3) Trình bày về không gì sánh bằng.
- 4) Hướng về quả so sánh, phần này có hai, một là tổng quát, hai là riêng biệt.
- 5) Kết luận thành tựu đầy đủ đức. Phần hai là chính thức hồi hướng pháp giới, văn tương rõ ràng có thể biết.

Văn phần bốn là kết luận ca ngợi có thể biết.

*Phần kệ có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Có bốn mươi hai kệ, hai tụng đầu về Thể, tiếp theo mười bảy tụng về chúng sinh và Bồ-đề, tiếp theo bảy tụng về Thật tế, tiếp theo mười sáu tụng là văn kết luận ca ngợi.

Như tướng, có năm: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là phân rõ về lợi ích, năm là kệ tụng.

*Phần hai là đáp có bốn:* Một, Thể của hạnh; hai, từ “Bồ-tát dĩ thử...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; ba, từ “Bồ-tát thiện căn như thị...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là kết luận ca ngợi về Dụng thù thắng.

*Văn phần một về Thể có ba:* Một là quy tụ Thể của căn thiện; hai từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là thâm nhiếp giúp đỡ thành tựu Chánh hạnh, cũng có thể thâm nhiếp nhân giúp cho quả, trong này có hai, một là thâm nhiếp, hai là phân rõ tướng của quán; ba, từ “Bồ-tát dĩ như thị đẳng...” trở xuống là thành tựu Đại dụng tự tại của ba nghiệp. Trong phần Đại dụng này có hai: Một là trình bày về nơi hướng đến của tâm tức là tóm lược, ba nghiệp tức là ba, một câu đầu là thân, tiếp theo một câu là khẩu, tiếp theo về sau đều là ý mà thôi; hai từ “Nhất Phật thế giới...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng. Phần này có hai ý: Một, căn thiện này là như tướng của ngôi nhà cho nên hồi hướng ba nơi; hai, bởi vì Thể như nhau không ngăn ngại cho nên hồi hướng ba nơi.

*Văn phần hai là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề có năm:* Một, tổng quát trình bày về hồi hướng; hai, từ “Bồ-tát như thị hồi hướng tu...” trở xuống phân rõ về hạnh rộng lớn cứu cánh; ba, từ “Phục thứ Bồ-tát...” trở xuống đối với sự phân rõ về nghi thức thành tựu hạnh, phần này có hai có thể biết; bốn, từ “Bồ-tát thiện căn như thị...” trở xuống phân rõ về ý tu; năm, từ “Như thị Bồ-tát trưởng dưỡng...” trở xuống là hồi hướng công sức đã thành tựu.

*Văn phần ba là Thật tế.* Hồi Hướng trong phần này cùng với trên dưới có gì khác nhau? Các Hồi Hướng thâm nhiếp Tướng thuận theo Thể, trong này thì thâm nhiếp Tướng thuận theo Tướng, điều này có thể suy nghĩ chính xác. Có ba: Một, trình bày về Thể dụng hồi hướng; hai, từ “Thiện giải hồi hướng...” trở xuống là nguyên cố thành tựu thù thắng; ba, từ “Như như...” trở xuống là dựa theo pháp mở rộng phân rõ. Phần một về Thể dụng có ba:

1. Phân rõ về Thể.

2. Từ “Thuận Như Lai đạo...” trở xuống là trình bày về Dụng.

3. Từ “Quán sát tịch diệt...” trở xuống là kết luận về hai phần trước. Trong phần thứ hai là nguyên cơ về Dụng thù thắng: Đầu là nêu ra ý, tiếp từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là giải thích, ba từ “Như pháp môn...” trở xuống là dựa theo pháp phân rõ về thành tựu. Trong phần thứ ba là mở rộng phân rõ có một trăm câu, một câu đầu làm quy phạm, những câu sau là dựa vào hồi hướng mà thôi. Và lại, trong văn mở rộng phân rõ có ba loại Ngôn thuyết: Thứ nhất chọn lấy không chấp trước, thứ hai chọn lấy pháp thi thiết, thứ ba chính thức chọn lấy sự việc giảng giải về giáo pháp. Trong văn có ba loại Thời, một là chỉ có pháp, hai là chọn thời để luận về pháp, ba là thời và pháp cùng luận. Như vậy dựa vào văn lần lượt mà lược bỏ, thì biết về nguyên cơ.

Quá khứ không phải là giống nhau, bởi vì không phải là cùng một pháp diệt. Vị lai không phải là vốn có, bởi vì không phải là sau hiện tại. Hiện tại không phải là khác nhau, bởi vì không phải là hai đời trước-sau và pháp cùng loại của mình khác nhau. Điều này cũng trái với cách nhìn của người ngoài, suy nghĩ có thể biết.

*Trong phần bốn là kết luận ca ngợi:* Ba câu đầu kết luận ca ngợi về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề, tiếp từ “Đẳng quán chư Phật vô hữu nhị...” trở xuống là kết luận ca ngợi về đức dụng Thật tế.

*Thứ tư là văn về thành tựu lợi ích phân hai:* Một là phân rõ về đức, hai là kết luận có thể biết.

*Thứ năm là trùng tụng có hai:* Một, trường hàng; hai, kệ tụng. Có hai mươi chín kệ, hai tụng đầu về Thể hạnh, tiếp theo bốn tụng về chúng sinh và Bồ-đề, tiếp theo chín tụng về Thật tế, tiếp theo mười bốn tụng kết luận ca ngợi về đức dụng.

Vô phược vô trước giải thoát tâm, có năm: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là phân rõ về đức, năm là kệ tụng.

*Phần hai là đáp có bốn:* Một, phân rõ về Thể của hạnh; hai, từ “Ma-ha-tát dĩ vô phược trước...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; ba, từ “Ma-ha-tát dĩ như thử vô phược...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Ma-ha-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là kết luận ca ngợi về dụng thù thắng.

*Văn phần một về Thể có hai:* Một là tổng quát phân rõ không khinh thường những pháp thiện, hai từ “Bồ-tát thường lạc nhiếp thọ...” trở xuống là bởi vì không khinh thường rời bỏ, cho nên đối với hành thâm nhiếp đạt được tự tại. Phần này có hai ý: Một là bởi vì căn thiện không ràng buộc vướng mắc cho nên hồi hướng ba nơi, hai là bởi vì căn thiện



thuận với ba nơi cho nên không có gì vướng mắc.

Hai, trong phần hồi hương chúng sinh và Bồ-đề có hai: Một, phân rõ về ba nghiệp Phổ Hiền; hai, từ “Tùng thử sinh tận vị lai tế sinh...” trở xuống là mở rộng dựa theo sự việc riêng biệt để hiển bày về đạt được tự tại. Văn phần một có bốn:

- 1) Tổng quát.
- 2) Thân.
- 3) Khẩu.
- 4) Ý có thể biết.

Trong phần hai mở rộng hiển bày có ba mươi hai:

- 1) Đạt được phần vị nhân quả.
- 2) Đạt được phương tiện.
- 3) Đạt được thân nghiệp.
- 4) Đạt được khẩu nghiệp.
- 5) Đạt được ý nghiệp.
- 6) Thành tựu căn.
- 7) Đạt được thần lực.
- 8) Tự tại đối với cõi Phật.
- 9) Có được nhà.
- 10) Đạt được trí Nhân-đà-la.
- 11) Đạt được thời gian tự tại.
- 12) Thân dung nạp.
- 13) Tự tại tiến vào quả vị.
- 14) Tự tại tiến vào thế giới.
- 15) Biết về tướng.

16) Biết về tâm. Trong những loại này đều có hai văn, một là nhận biết, hai là ca ngợi về đức nhận biết.

- 17) Biết xứ.
- 18) Biết nghiệp.
- 19) Biết pháp.
- 20) Biết thanh.
- 21) Thuyết giảng tự tại.
- 22) Biết căn tánh tự tại.

23) Trí phương tiện nhận biết vi tế. Văn này đều có hai, như trước có thể biết.

- 24) Hành phương tiện nhận biết vi tế.
- 25) Biết sự vi tế của Bồ-tát tiến vào phần vị Giải.
- 26) Biết sự vi tế của Sơ Địa.

27) Biết sự vi tế của tánh chúng sinh.

28) Biết sự vi tế của thế giới.

29) Biết sự vi tế của trí pháp giới.

30) Biết sự vi tế của trí về kiếp.

31) Biết sự vi tế của trí về pháp.

32) Biết sự vi tế của pháp xen tạp sinh ra.

Trong sự nhận biết vi tế trên, vì sao nhận biết về trí mà không nhận biết về pháp, là bởi vì trí có thể hiển bày về pháp thành tựu.

Ba, văn về Thật tế có hai: Một là tiến vào quán, hai là dựa theo ra khỏi quán có thể biết mà thôi.

Bốn, văn về kết luận ca ngợi công dụng thù thắng. Đây đủ... là đầy đủ hành của nhân quả. Dựa theo phần vị là như vậy, nếu dựa theo hành thì gồm chung tất cả mà thôi.

*Văn kệ có hai:* Một là trường hàng sinh khởi, hai là chính thức tụng kệ. Có một trăm lẻ hai kệ, sáu tụng đầu về Thể hạnh, tiếp theo bảy mươi tụng về chúng sinh và Bồ-đề, tiếp theo từ “Như thị nhất thiết chư Pháp Vương...” trở xuống là mười tám tụng về Thật tế, tiếp theo tám tụng là văn kết luận ca ngợi.

Pháp giới vô lượng, văn này có sáu: Một là hỏi, hai là đáp, ba là kết luận, bốn là ca ngợi về dụng thù thắng, năm là chứng thành, sáu là kệ tụng. Cũng có thể hai đoạn này bắt đầu xét định thuận theo Hội.

*Phần hai là đáp có bốn:* Một, đã thành tựu Thể hạnh; hai, từ “Phục thứ Bồ-tát dĩ pháp thí...” trở xuống là hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề; ba, từ “Phục thứ Bồ-tát an trú pháp giới...” trở xuống là hồi hướng Thật tế; bốn, từ “Bồ-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là kết luận ca ngợi về lợi ích thù thắng.

Hỏi: Hồi hướng thứ 10 này cùng với hồi hướng thứ 8-9 trước đây có gì khác nhau?

Đáp: Hồi hướng thứ tám là hướng về Lý, hồi hướng thứ chín là dựa theo tu mà thành tựu, hồi hướng thứ mười gồm chung cả hai loại và sự việc đã làm.

*Phần một về Thể có ba:* Một, tổng quát về loại trừ chướng hiển bày đức, văn này có hai:

1) Thọ ký phân rõ về phần vị.

2) Trình bày về lợi ích của Dụng; hai, từ “Bồ-tát hành pháp thí...” trở xuống là tu hành đã hướng đến; ba, từ “Bồ-tát ư bỉ thiện căn...” trở xuống phân rõ về hạnh rộng lớn, phước trí trang nghiêm đã thành tựu tự tại. Phần này có hai ý: Một là dùng Thể của hạnh hồi hướng dựa vào

pháp giới đến với ba nơi, hai là Thể của hạnh vốn có chính là pháp giới cho nên có thể hồi hướng đến ba nơi. Văn về hạnh rộng lớn này có bốn: Một là tổng quát trình bày hạnh trang nghiêm trí; hai từ “Chư Phật Bồ-tát sở tán...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về hạnh trang nghiêm; ba từ “Hà dĩ cố...” trở xuống phân rõ về nguyên cơ thành tựu hạnh của mình; bốn từ “Phục hà dĩ cố...” trở xuống giải thích về nguyên cơ tự mình thành tựu có thể làm lợi ích cho chúng sinh.

Phần hai về hồi hướng chúng sinh và Bồ-đề, trong văn có hai: Một, trình bày về không ngừng cung kính, bởi vì ba nghiệp luôn luôn thực hành; hai, từ “Bồ-tát dĩ thử pháp thí...” trở xuống là ba nghiệp khởi dụng không uổng công.

*Văn phần một có ba:* Một là ý nghiệp thuận theo trí tuệ thực hành; hai từ “Linh nhất thiết chúng sinh giai tất cụ túc...” trở xuống là khẩu nghiệp không trống rỗng; ba từ “Linh nhất thiết chúng sinh đắc tịnh Pháp thân...” trở xuống là thân nghiệp không trống rỗng.

Trong phần một là ý nghiệp có mười môn, như biết pháp... có thể biết.

Một, khiến cho mình và người đạt được pháp môn vô tận của Phật, văn này có năm: Một, lập Tông; hai, từ “Dĩ thử...” trở xuống là tổng quát phân rõ về đức dụng ấy; ba, từ “Tất đắc...” trở xuống là đạt được pháp Phật; bốn, từ “Ư nhất nhất...” trở xuống là thuật về công năng của mình. Trong đó có hai: Một là tổng quát đưa ra mười môn, ở trong văn này thì mười Hải ấy là:

- 1) Tên gọi sinh pháp là tướng lập nghĩa,
- 2) Tướng dẫn chứng,
- 3) Phép tắc của ngôn ngữ phương hướng,
- 4) Thi thiết tên gọi đối với nghĩa,
- 5) Văn giáo thành quy phạm,
- 6) Phép tắc tuyên thuyết,
- 7) Sở y môn,
- 8) Trí năng nhập,
- 9) Cảnh và trí giúp đỡ thành tướng,
- 10) Nghĩa tồn tại không thay đổi.

Năm, từ “Bồ-tát thiện căn như thị...” trở xuống là trình bày về thành tựu. Hai là văn mở rộng phân rõ có thể biết mà thôi.

Hai, từ “Phục thứ Bồ-tát...” trở xuống trình bày về thành tựu đức do tự mình hồi hướng. Ba, từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho cùng đạt được giống như mình. Bốn, từ “Phục thứ Bồ-tát dĩ

thử đấng...” trở xuống là duyên thành tựu tánh đức. Năm, từ “Phục thứ Bồ-tát dĩ thử thiện căn...” trở xuống là hạnh thành tựu được Phật tùy hỷ. Sáu, từ “Bồ-tát dĩ thử thiện căn như thị...” trở xuống là phân rõ về nơi nương tựa của hồi hướng, văn này có hai, đó là Phật và pháp giới có thể biết. Bảy, từ “Phục thứ Bồ-tát...” trở xuống là phân rõ về ý hướng đến. Tám, từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống là đạt được Dụng tự tại. Chín, từ “Bồ-tát dĩ thử thiện căn như thị hồi hướng...” trở xuống là dùng hạnh thành tựu phần vị có hai, một là trình bày về pháp lìa xa, hai là phân rõ về pháp đạt được có thể biết. Mười, từ “Bồ-tát như thị bình đẳng tâm...” trở xuống là phần vị nương tựa thành tựu Dụng của hạnh thù thắng, văn này có bốn:

1) Phân rõ về Thể của hạnh hồi hướng.

2) Từ “Linh nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là trình bày về ý hồi hướng, phần này có hai, một là phần mình, hai là thắng tiến có thể biết.

3) Từ “Bồ-tát thiện căn như thị...” trở xuống là trình bày về pháp lìa xa, văn này có ba, một là thiết lập, hai là vận hỏi, ba là đáp có thể biết.

4) Từ “Bồ-tát như thị hồi hướng thời...” trở xuống là trình bày về lợi ích khởi hạnh.

Phần thứ hai là khẩu nghiệp có thể biết. Phần thứ ba là văn về thân nghiệp phân ba: Một là phân rõ về Thể của thân; hai là trình bày về Đức của thân; ba là phân rõ về Dụng của thân, phần này có ba:

1) Tổng quát.

2) Riêng biệt.

3) Kết luận.

Phần hai là ba nghiệp khởi dụng không uống công, văn có hai: Một, từ “Phục thứ Bồ-tát tu thiện...” trở xuống là phân rõ đầy đủ về ba nghiệp; hai, từ “Như thị Bồ-tát...” trở xuống là thành tựu hạnh không uống công. Một là trình bày đầy đủ về ba nghiệp, văn có hai: Một, phân rõ về vật báu trang nghiêm; hai, từ “Quảng thuyết hương hoa đấng...” trở xuống tương tự phân rõ về mười môn trang nghiêm.

*Văn phần một có bốn:* Một là phân rõ về cảnh đã cúng dường, đó là Phật...; hai từ “Bỉ nhất nhất sát...” trở xuống là đồ vật cúng dường; ba từ “Bồ-tát phục tác thị niệ...” trở xuống là lấy tóm lược để nêu rõ mở rộng; bốn từ “Thị vi Bồ-tát đấng...” trở xuống là kết luận. Một là trong cảnh cúng dường, đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong phần riêng biệt, y chánh phân hai. Hai là đồ vật cúng dường có bốn: Một, trình bày

về cúng dường vật báu riêng biệt có một trăm câu; hai, từ “Bảo thân trang nghiêm...” trở xuống có tám câu trình bày về hạnh của banghiệp; ba, từ “Bảo nhãn...” trở xuống là diệu dụng của sáu căn; bốn, từ “Bảo thân nghiệp...” trở xuống cuối cùng dùng ba câu thành tựu về trí dụng của ba nghiệp. Trong phần hai là thành tựu hạnh không uổng công của ba nghiệp có hai: Một, khiến cho chúng sinh thành tựu hạnh của phần mình; hai, từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là khiến cho thành tựu hạnh thuộc phần thù thắng. Hai phần trên đây đều có hai đoạn nên biết.

Ba từ “Phục thứ Bồ-tát an trú pháp giới...” trở xuống là hồi hướng Thật tế có thể biết.

Bốn là văn về lợi ích của Dụng có hai: Một, nhắc lại các hạnh trước; hai, từ “An trú pháp giới đẳng vô lượng tịnh thân...” trở xuống là dựa vào hạnh thành tựu ba nghiệp thù thắng. Đoạn lớn thứ ba từ “Thị vi...” trở xuống là văn kết luận có thể biết. Bốn là ca ngợi về đức có hai: Một, trình bày đã thành tựu các đức rộng lớn của Phổ Hiền; hai, từ “Ư niệm niệm trung...” trở xuống là trình bày về tất cả việc làm, riêng biệt ca ngợi phần mình thành tựu tác dụng thù thắng của tự-tha.

Trên đây dựa vào kinh, là pháp Nhất thừa thông suốt mà không phải là giới hạn. Tiếp theo trình bày về pháp của ba Thừa dựa vào phần vị như kinh:

Một Đế-hai Đế thắng thấn trong tâm của Hương thứ nhất, đó gọi là học tập Đệ nhất nghĩa đế, bởi vì quán sát tướng Như của tất cả các pháp không thể đạt được, dùng Từ-Bi-Hỷ-Xả giảng dạy cho người và sáu cõi trời, cao tốc khoác ca-sa Tam Bảo, Bồ-tát xuất gia cùng với tất cả Tăng, Phật pháp không hai, vốn là thanh tịnh bậc nhất.

Đệ nhất nghĩa trí trong Hương thứ hai, năm thân thông là dụng sai biệt của tánh Tuệ, tức là dùng sáu Thông làm cảnh của Quán.

Trong Hương thứ ba, ở trong Tuệ vô sinh là bốn thanh tịnh bất hoại, ở trong giới của Phật-Pháp-Tăng là Tín không thể hủy hoại.

Phần lượng giống như Phật lực trong Hương thứ tư, đó gọi là ba tướng, là các pháp vốn không, cho nên mượn gọi là Sinh; đã có rồi trở lại không, mượn gọi là Diệt; không phải trống rỗng mà có pháp, mượn gọi là Trú. Vì vậy tất cả thông suốt Không mà không hai, gọi là tướng Thế đế, Không Không là tướng một Đế.

Khéo léo lường tính năng lực của chúng sinh trong Hương thứ năm, đó gọi là năm Âm, Sắc là khác Không, Sắc tụ tập trở thành phần Sắc của Đại, cho nên tướng của Sắc là Không; từng sát-na nối tiếp nhau

trở thành Tâm, cho nên tướng của Tâm là Không; Thọ-Tưởng-Hành không có tụ tập-không có phân tán, vốn là một tướng Vô tướng.

Lực giáo hóa của Phật trong Hương thứ sáu, đó gọi là mười hai Nhập, sáu cảnh bên ngoài-sáu căn bên trong làm nơi tiến vào của Thức, cho nên gọi là Nhập. Tuệ ấy quán sát, không ở bên ngoài, không ở bên trong, không ở khoảng giữa, bởi vì tất cả các pháp không có tự tha.

Trí hướng đến vô ngại trong Hương thứ bảy, là mười tám pháp bất cộng, sáu cảnh-sáu căn-sáu thức là một hợp tướng, tất cả các pháp cũng như vậy.

Trí tùy thuận tự nhiên trong Hương thứ tám, đó gọi là nhân quả, thiện-ác gọi là nhân, khổ-vui gọi là quả. Đã dựa vào là nhân, đã phát khởi là quả, nhân Không-quả Không, không có sinh-không có diệt, đều là một hợp tướng.

Thọ Phật-Pháp-Tăng trong Hương thứ chín, gọi là hai đế Không; nhân duyên tụ tập, gọi đó là có, không phải nói có là có; nhân duyên phân tán, gọi đó là không có, không phải nói không có là không có, do đó có và không cả hai tướng đều không có.

Trong Hương thứ mười dùng Tuệ tự tại giáo hóa tất cả chúng sinh, đó gọi là Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế, Bát-nhã ở giữa(xử trung) mà thông hiểu tất cả các pháp nhưng không có hai tướng, chuyển sang tăng lên tiến vào Thánh địa, gọi là quán Tương tự Đệ nhất nghĩa đế, không phải là quán Chân thật, Sơ Địa trở lên là quán Chân thật.

Đây là ba Thừa dựa vào phần vị mà nói. Sở dĩ biết như vậy là vì trong kinh trình bày từ ba mươi tâm trở về trước đều là pháp của phàm phu chứ không phải là Thánh vị. Sơ Địa trở lên trong kinh vốn không gồm chung ba Thừa, bởi vì thiết lập về giáo nghĩa ấy văn tướng phần nhiều giống nhau, cho nên không cần phải phân tích.

Từ “Nhĩ thời Phật thân lực cố động địa...” trở xuống là phần thứ năm trình bày về chứng minh thật sự hiển bày thành tựu, văn này có hai: Một, mặt đất chấn động, mưa hoa... là chứng minh thành tựu; hai, nói là Bồ-tát mười phương đều tụ hội, là phần thứ hai trình bày về các Thánh chứng minh thành tựu khuyến khích tin tưởng lưu thông. Ở trong hai văn đều có hai, đó là phân rõ về tướng và kết luận nối thông với phương khác.

Trong phần kệ thì đầu là ý, sau là tụng. Văn tụng có chín mươi bốn tụng, mười bốn tụng đầu về Thể của hạnh, nói rằng Diệu trí Vô tướng quán sát về tướng chân thật của pháp là Dụng cuối cùng dựa vào Thể, tận cùng hành của thế gian cho nên kỳ diệu nhất; tiếp theo từ “Bồ-

tát pháp thí...” trở xuống là sáu mươi tám tụng về chúng sinh và Bồ-đề; tiếp theo từ “Thí như như...” trở xuống là hai tụng về Thật tế; tiếp theo từ “Như thị thù diệ...” trở xuống là mười tụng kết luận ca ngợi. Ngay trong phần chúng sinh và Bồ-đề, tám tụng đầu về thực hành ba nghiệp thuận theo trí, tiếp theo từ “Thập phương nhất thiết...” trở xuống là hai mươi tụng về thân nghiệp không trống rỗng, tiếp theo từ “Cung kính...” trở xuống là hai mươi hai tụng về khẩu nghiệp, tiếp theo từ “Chúng sinh số đẳng...” trở xuống là mười tám tụng về ý nghiệp... Hội này trả lời câu hỏi về Hội Hưởng trước đây mà thôi.

